# 1139 Series — SERIES 39 LOẠI CÀNG THÔNG DỤNG (Chuẩn Mỹ)

Bánh xe W hiệu quả toàn diện (Ngọc trai màu xám đậm), đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe là 1

EAN

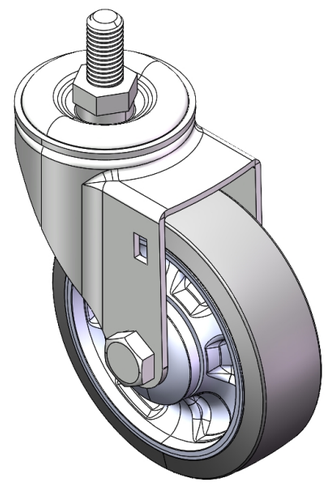
YJ-11390400455023

Bánh xe di chuyển, chân đế đóng dấu bằng đinh tán ren - 1/2"-12
Bề mặt mạ kẽm, thiết bị lắp ren
Lõi bánh xe bằng polypropylene chống va đập được gia cố, mặt bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)
Pearlite màu xám đen, vòng bi bánh xe - bi chính xác.

Mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)

Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

## Quy cách chi tiết sản phẩm

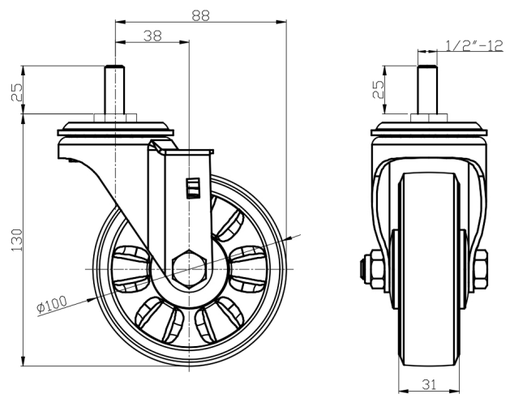
đơn vị mét  đế quốc

| | |
|---|---|
| Đường kính bánh xe | 100mm |
| Chiều rộng bánh xe | 31mm |
| vòng bi bánh xe | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Thông số kỹ thuật của ren | 1/2 " -12 |
| độ dài ren | 25mm |
| Độ lệch tâm | 38mm |
| Sự can thiệp quay | 176mm |
| Tổng chiều cao | 130mm |
| Bán kính xoay | 88mm |
| Độ cứng | 72±5° Shore A |
| Tải trọng (động) | 135kgs |
| Tải trọng (tĩnh) | 202.5kgs |
| Nhiệt độ | -20°C to +60°C |
| Càng bánh xe | Xoay |
| Thép không gỉ | N/A |
| Dẫn điện | N/A |
| Chống tĩnh điện | N/A |
| Trọng lượng bánh xe đẩy | 0.63kgs |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm | |

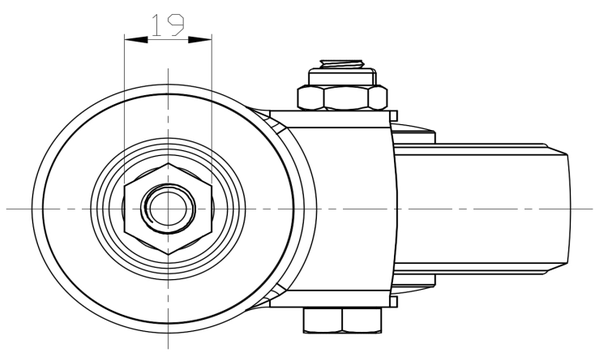
## Tổng quan ưu điểm

| | |
|---|---|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ● |
| Chế độ im lặng | ● ● ● ● ● |
| Bảo vệ mặt sàn | ● ● ● ● ● |

## Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy




## Bản vẽ 2D kích thước trục ren




* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

© Bản quyền thuộc về 2025 DershengInternational www.dersheng.com